

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

---

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Ngành đào tạo: Sư phạm tiếng Anh**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Mã ngành: 7140231**

**THANH HÓA, NĂM 2021**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

(Ban hành theo QĐ số 1728/QĐ-ĐHHD ngày 01/9/2014 của Hiệu trưởng Trường  
ĐHHD)

**I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh được xây dựng lần đầu năm 2009 với mục tiêu đào tạo giáo viên tiếng Anh ở các bậc phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp phục vụ cho sự phát triển giáo dục, xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Chương trình đã ba lần được điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực của các cơ sở đào tạo và chuẩn nghề nghiệp chức danh giáo viên tiếng Anh theo quy định của Bộ qua các năm 2014, 2016, 2017 và 2019. Đặc biệt năm 2014, chương trình được điều chỉnh dựa trên quy định mới theo hướng phát huy năng lực người học. Chương trình được xây dựng dựa trên các điều tra khảo sát về kiến thức, kỹ năng sinh viên cần đạt được để đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, góp ý từ các chuyên gia, giảng viên, cựu sinh viên và sinh viên. Chương trình xây dựng có sự tham khảo các chương trình đào tạo của các trường trong nước (Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Sài Gòn, Đại học Cần Thơ, và Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh).

Chương trình đào tạo hiện hành bao gồm 126 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chung 31 tín chỉ, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 95 tín chỉ (kiến thức cơ sở ngành 10 tín chỉ, kiến thức ngành 55 tín chỉ, kiến thức bổ trợ ngành 17 tín chỉ, thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp 13 tín chỉ). Tổng số học phần bắt buộc 39 (100 tín chỉ) và 8 học phần thay thế/tự chọn (26 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 2: gồm 6 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 3: gồm 6 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 4: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 5: gồm 6 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 6: gồm 6 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 7: gồm 7 học phần, 17 tín chỉ; và kỳ 8: 4 học phần, 13 tín chỉ). Tổng số giờ lý thuyết: 1059, giờ bài tập và thảo luận: 956, giờ thực hành: 412, giờ kiến tập, thực tập và khoá luận tốt nghiệp 270 giờ.

Ngoài các học phần đại cương và cơ sở, các học phần kiến thức chuyên ngành được giảng dạy bởi 19 giảng viên có trình độ cao (2 TS, 2NCS, và 14 ThS), trong đó có 8 người được đào tạo ở nước ngoài. Hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ dạy học được Nhà trường trang bị đồng bộ, đáp ứng tốt công tác giảng dạy.... Thư viện và phòng đọc có tương đối đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo.

**2. Thông tin chung về chương trình**

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm tiếng Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	English Teacher Training
Mã ngành đào tạo:	7140231
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Trình độ đào tạo:	Đại học

Số tín chỉ:	126
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo (126 tín chỉ);</li> <li>- Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);</li> <li>- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (tiếng Anh bậc 5/6 và tiếng Pháp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam);</li> <li>- Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất.</li> </ul>
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên tiếng Anh ở các bậc phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp trong hệ thống giáo dục Việt Nam;</li> <li>- Nghiên cứu tiếng Anh và khoa học giáo dục tại các viện nghiên cứu, trường đại học;</li> <li>- Quản lý chuyên môn về giáo dục tại các trường hoặc cơ sở quản lý nhà nước;</li> <li>- Làm việc trong lĩnh vực chuyên môn khác yêu cầu về kiến thức, văn hoá, xã hội và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.</li> </ul>
Học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT:	10 tháng 06 năm 2021

### 3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

#### 3.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh (SPTA) có phẩm chất chính trị tư tưởng vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có sức khỏe và có kiến thức chuyên môn để trở thành cán bộ giảng dạy ở các bậc học phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu phương pháp dạy học tiếng Anh nói riêng và ngành sư phạm nói chung; Có kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, yêu cầu căn bản toàn diện giáo dục đào tạo trong xu thế hội nhập và phát triển; Có năng lực để tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn ở trình độ cao hơn để đáp ứng với yêu cầu của xã hội ngày càng phát triển, có thể học tiếp cao học.

#### 3.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo ngành Đại học Sư phạm tiếng Anh nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm sau đây:  
PO1: Có hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh,

đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh;

PO2: Có kiến thức liên môn cơ bản về lịch sử, văn hóa, xã hội và môi trường, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và giảng dạy chuyên môn ở trường Trung học phổ thông và Trung học cơ sở.

PO3: Đạt kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT);

PO4: Đạt được kỹ năng, thao tác cơ bản trong nghiên cứu khoa học;

PO5: Được trang bị kiến thức về các đặc điểm tâm lý lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, các kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm trong nhà trường phổ thông, biết cách thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động phát triển nghề nghiệp trong trường phổ thông; Nắm vững những kiến thức về cơ cấu tổ chức, phân cấp, phân quyền trong các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nắm vững luật, văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động giáo dục; Vận dụng linh hoạt vào quá trình học tập và các hoạt động giáo dục trong tương lai;

PO6: Đạt được năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết); và năng lực sử dụng cơ bản với ngoại ngữ khác theo yêu cầu ngoại ngữ 2.

PO7: Có kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh, kiến thức về kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình dạy học môn tiếng Anh ở các cấp bậc đào tạo khác nhau và vận dụng thành thạo trong hoạt động nghề nghiệp;

PO8: Có kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh nhằm hỗ trợ quá trình tiếp thụ ngôn ngữ và giảng dạy tiếng Anh; có khả năng chuyển dịch ngôn ngữ Anh-Việt, Việt-Anh;

PO9: Phát triển kỹ năng mềm như tư duy hệ thống, kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và quản lý thời gian trong học tập, nghiên cứu, giảng dạy và trong cuộc sống;

PO10: Tự học, tự tích lũy kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường;

## **2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

### **2.1. Kiến thức**

PLO1: Phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của

Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo;

PLO2: Trình bày được các kiến thức cơ bản liên quan đến văn hoá Việt Nam; môi trường và con người, mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng để luận giải các vấn đề lịch sử, văn hóa, xã hội và môi trường, giải quyết các vấn đề chuyên môn, liên môn trong giảng dạy ở trường Trung học phổ thông;

PLO3: Trình bày được khái niệm về thông tin, các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) phục vụ công tác chuyên môn;

PLO4: Thiết kế được đề tài nghiên cứu khoa học;

PLO5: Trình bày và giải thích kiến thức về tâm lý học, giáo dục học và giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tiễn dạy và học tiếng Anh;

PLO6: Xác định kiến thức về thực tiễn hoạt động và quản lý hoạt động ngành giáo dục để tiếp cận và vận dụng được kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm vào dạy học;

PLO7: Trình bày và giải thích được lý thuyết về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình dạy học môn tiếng Anh;

PLO8: Phân tích, tổng hợp và vận dụng được các kiến thức nền tảng về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa) trong thực tiễn giao tiếp và chuyên môn;

PLO9: Đối chiếu và vận dụng được kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ vào các tình huống giao tiếp ngôn ngữ và để tránh được các vấn đề trong giao tiếp văn hóa;

PLO10: Áp dụng được lý thuyết về dịch thuật nhằm thực hiện các nhiệm vụ Biên-phiên dịch ở cấp độ văn bản, ngôn bản cơ bản;

## **2.2. Kỹ năng**

PLO11: Thực hiện được các tình huống giao tiếp ngoại ngữ 2 trong thực tế giao tiếp. Đạt chuẩn ngoại ngữ 2 bậc 3/6 tương đương đối với các loại ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT được đào tạo chính qui tại các cơ sở đào tạo hợp pháp trong hệ thống giáo dục quốc dân;

ĐH Ngôn ngữ anh: cập nhật lại CĐR ngoại ngữ 2 ;

PLO12: Sử dụng thành thạo bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói đọc viết) trong quá trình giao tiếp ngôn ngữ thực tiễn của tiếng Anh; Đạt chuẩn đầu ra bậc 5 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương cấp độ C1 Khung Năng lực Châu Âu đối với ngoại ngữ Anh;

PLO13: Xây dựng và phát triển kế hoạch, chương trình dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học ở các trường phổ thông;

PLO14: Vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo, phát triển năng lực của người học.

PLO15: Thiết kế được các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh;

PLO16: Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động dạy học: xác định và phân tích mục tiêu giáo dục, triển khai các giải pháp và khuyến nghị trong quá trình hoạt động dạy học;

PLO17: Áp dụng kỹ năng mềm để tự phát triển bản thân như: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

### **2.3. Thái độ**

- Thể hiện niềm tin và lòng trung thành đối với đất nước; sự liêm chính và trách nhiệm với xã hội, công bằng và tôn trọng đồng nghiệp, phụ huynh, học sinh; thể hiện tầm nhìn và có kế hoạch trong công việc và trong cuộc sống;

- Thể hiện tính chủ động và sẵn sàng đưa ra quyết định, kiên trì, quyết tâm, linh hoạt trong công việc; thể hiện khả năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng tự học và rèn luyện suốt đời; thể hiện khả năng quản lý thời gian và các nguồn lực;

### **2.4. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

PLO18: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong quá trình dạy học tiếng Anh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

PLO19: Định hướng nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường;

PLO20: Tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

PLO21: Kết luận, đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học;

### 5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của CTĐT																				
	Kiến thức										Kỹ năng							NL tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17	PLO 18	PLO 19	PLO 20	PLO 21
PO1	4																				
PO2		4																			
PO3			4																		
PO4				4																	
PO5					4	5							4								
PO6								4	5	5	4	4									
PO7																		4	4		4
PO8							4							4	4						
PO9																4	4				
PO10																				4	4

Ghi chú: Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo. Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng.  
 Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hồi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

## **6. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá**

### **6.1. Phương pháp dạy - học**

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, giáo trình, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức và công nghệ mới trong dạy học tiếng Anh vào giảng dạy.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy người học. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp mô phỏng, thực nghiệm (áp dụng cho các tiết thực hành).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

### **6.2. Các phương thức đánh giá**

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc các dự án.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, trắc nghiệm.



## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương, 31 tín chỉ	Bắt buộc	21
		Tự chọn	10
2	Kiến thức cơ sở ngành, 10 tín chỉ	Bắt buộc	10
		Tự chọn	0
3	Kiến thức ngành 55 tín chỉ	Bắt buộc	52
		Tự chọn	3
4	Kiến thức bổ trợ ngành, 17 tín chỉ	Bắt buộc	10
		Tự chọn	7
5	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp, 13 tín chỉ	Bắt buộc	7
		Tự chọn	6
Tổng số: 126 TC			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP (số tín chỉ)	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
<b>A. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>				
<b>I. Kiến thức về lý luận chính trị</b>				
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</li> <li>Bộ Giáo dục &amp; ĐT, <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.</li> </ol> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005</li> <li>Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, 1997</li> </ol>
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005</li> <li>Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, 1997</li> </ol>

			<p>thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p>	<p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i>  1. Văn kiện đảng toàn tập tập tập: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002, 2002, ,1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>
3	196065	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc :</i>  1. Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i>  1. Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.  2. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH,CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo H: CTQG, 2008</p>

			nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung của học phần:</i> Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Trình bày khái quát về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử Đảng. Chương 2: Trình bày sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền giai đoạn 1930-1945. Chương 2: Trình bày quá trình đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước giai đoạn 1945 -1975. Chương 3: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn 1975 đến nay.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ GD&amp;ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQGST.</li> <li>2. Bộ GD&amp;ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQG.</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ GD&amp;ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i>, Nxb CTQG.</li> <li>3. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX,X,XI,XII,XIII (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</li> </ol>

			xướng và lãnh đạo.	
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung môn học gồm 6 chương:</i> Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia sự thật</li> </ol> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i></li> <li>2. Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử (10 tập)</i>. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội</li> <li>3. Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội</li> <li>4. Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>. Nxb Chính trị quốc gia.</li> </ol>
6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính,</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, Nxb Lao động (Quyển 1).</li> </ol> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1)..</li> <li>2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).</li> </ol>

			<p>Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.</p>	
<b>II. Ngoại ngữ II (Chọn một trong hai học phần)</b>				
7a	133069	<p>Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp (4 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Tiếng Pháp 1 là học phần bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp. Mục tiêu chung của học phần là: sinh viên có khả năng hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances niveau A1</i> » - <i>Méthode de français</i>, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)</li> <li>2. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances niveau A1</i> » - <i>Cahier d'activités</i>, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2)</li> </ol> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Christian Beaulieu, <i>Exercices de grammaire A1 du Cadre européen</i>, Didier , 2006</li> <li>2. Ludivine Glaud et Muriel Lannier, <i>Grammaire essentielle du français A1 A2</i>, Didier, 2015</li> <li>3. Gaël Crépieux , <i>Vocabulaire essentiel du Français</i></li> </ol>

			<p>giao tiếp cụ thể. Sinh viên có thể tự giới thiệu về bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn. Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng tiếng Pháp một cách chậm rãi. Người học có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng pháp và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng pháp.</p> <p>Học phần tiếng Pháp 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè. Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ .</p> <p><b>Kết thúc học phần, người học đạt trình độ sơ cấp, bậc 1/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</b></p>	<p><i>Niveau A1-A2</i>, Didier, 2016</p> <p>4. Jean-Claude Beacco et Rémy Porquier, <i>Niveau A1 pour le français</i>, Didier, 2007</p> <p><i>Website :</i></p> <p><a href="http://www.cle.fr">http://www.cle.fr</a></p> <p><a href="http://grammaire">http://grammaire.</a></p>
8a	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Tiếng Pháp 2 là học phần bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Tiếp theo học phần Tiếng Pháp 1, học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances niveau A1</i> » - <i>Méthode de français</i>, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)</p> <p>2. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances niveau A1</i> » - <i>Cahier d'activités</i>, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2)</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p>

			<p>thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: + Có thể hiểu được các câu và câu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). + Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày. + Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.</p> <p><b>Kết thúc học phần, người học đạt trình độ sơ cấp, bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</b></p>	<p>1. Christian Beaulieu, <i>Exercices de grammaire A1 du Cadre européen</i>, Didier, 2006</p> <p>2. Ludvine Glaud et Muriel Lannier, <i>Grammaire essentielle du français A1</i>, Didier, 2015</p> <p>3. Gaël Crépeux, <i>Vocabulaire essentiel du Français Niveau A1</i>, Didier, 2016</p> <p>4. Jean-Claude Beacco et Rémy Porquier, <i>Niveau A1 pour le français</i>, Didier, 2007</p> <p><b>Website :</b>  <a href="http://www.cle.fr">http://www.cle.fr</a>;  <a href="http://www.tv5.org">http://www.tv5.org</a>;  <a href="http://www.lepointdufle">http://www.lepointdufle</a>  <a href="http://www.ortholud.com">http://www.ortholud.com</a> <a href="http://tiengphaponline.com">http://tiengphaponline.com</a>,  <a href="http://grammaire;">http://grammaire.;</a></p>
9a	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Tiếng Pháp 3 là học phần bắt buộc năm trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Tiếp theo học phần Tiếng Pháp 2, học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « Tendances niveau A1 » - Méthode de français, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)</p> <p>2. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « Tendances niveau A1 » - Cahier d'activités, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2)</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Christian Beaulieu, <i>Exercices de grammaire A1 du Cadre européen</i>, Didier, 2006</p> <p>2. Ludvine Glaud et Muriel Lannier, <i>Grammaire</i></p>



			<p>vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp. Học phần tiếp tục củng cố và tăng cường những kiến thức chuyên sâu hơn về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Pháp. Sinh viên có thể nói, viết những câu phức, hai mệnh đề bằng tiếng pháp và nghe các đoạn hội thoại hoặc phóng sự bằng tiếng Pháp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí; Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.</p> <p>Kết thúc học phần, người học đạt trình độ trung cấp, bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p>essentielle du français A1, Didier, 2015</p> <p>3. Gaël Crépieux , Vocabulaire essentiel du Francais Niveau A1, Didier, 2016</p> <p>4. Sylvie Poisson-Quinton, Compréhension écrite 1, Cle International, 2004</p> <p>5. Jean-Claude Beacco et Rémy Porquier, Niveau A1 pour le francais, Didier, 2007</p> <p>Website :  <a href="http://www.cle.fr;">http://www.cle.fr;</a> <a href="http://grammaire.;">http://grammaire.;</a>  <a href="http://www.tv5.org/">http://www.tv5.org/</a>, <a href="http://www.lepointdufle">http://www.lepointdufle</a>  <a href="http://www.ortholud.com">http://www.ortholud.com</a> <a href="http://tiengphaponline.com">http://tiengphaponline.com</a></p>
7b	133009	<p>Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc (4 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung về luyện tập từ ngữ, cách chào hỏi, xưng hô, miêu tả về gia đình, bạn bè. Kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Trung Quốc, học phần tập trung vào việc rèn luyện các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản theo khuôn mẫu.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được những</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch ) - Giáo trình Hán ngữ, tập 1 quyển thượng, NXB ĐH sư phạm, năm 2014.</p> <p>2. Băng cassette hoặc đĩa ghi âm tập 1, quyển thượng</p>

			<p>kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Sinh viên có khả năng hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hằng ngày bằng tiếng Trung Quốc. Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng tiếng Trung Quốc với tốc độ chậm một cách chậm rãi. Người học đạt trình độ sơ cấp tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p><b>- Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trần Thị Thanh Liem ( biên dịch ) - Giáo trình Hán ngữ cơ sở tập 1, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội – Năm 2010</li> <li>2. Hàng Ngọc Hoa- 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, NXB Khoa học xã hội – Năm 2017</li> <li>3. Ngữ pháp tiếng Hán Hiện đại – NXB Trẻ – Năm 1999</li> </ol>
8b	133011	<p>Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc (3 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Tiếng Trung Quốc 2 bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các nội dung liên quan đến chủ đề về thể thao, du lịch, danh lam thắng cảnh v.v...  - <i>Năng lực đạt được:</i> Người học sử dụng được 4 kỹ năng nghe , nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc ở mức cơ bản về các chủ đề thường gặp hàng ngày, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Có năng lực phối hợp làm bài tập nhóm, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.</p>	<p><b>- Tài liệu bắt buộc</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dương Ký Châu (chủ biên), Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển 3, NXB ĐH Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2012.</li> </ol> <p><b>- Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. An Tường (biên dịch ), Giáo trình Hán ngữ sơ cấp tập 3, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012</li> <li>3. Trần Thị Thanh Liem (biên dịch ), Giáo trình Hán ngữ cơ sở tập 3, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2010</li> <li>4. Ngữ pháp tiếng Hán Hiện đại, NXB Trẻ, năm 2013</li> </ol>
9b	133010	<p>Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc (3 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Học phần gồm các nội dung về giao tiếp hàng ngày, các bài đọc hiểu về cuộc sống, con người Trung Quốc. Mỗi nội dung bài học gồm 5 phần: Ngữ âm, Từ vựng, Bài đọc hiểu, Ngữ pháp, luyện tập.</p>	<p><b>- Tài liệu bắt buộc</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dương Ký Châu (chủ biên), Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển 4, NXB ĐH Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2012.</li> <li>2. Băng cassette hoặc đĩa ghi âm tập 2 quyển 4</li> </ol>

			<p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể sử dụng trong đối thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc, để sử dụng trong các tình huống giao tiếp thông thường có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập tháng, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.</p>	<p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch), Giáo trình Hán ngữ cơ sở tập 3, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2010</li> <li>2. Khang Ngọc Hoa, 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, NXB Khoa học xã hội, năm 2014</li> <li>3. An Tường (biên dịch), Giáo trình Hán ngữ sơ cấp tập 3, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2010</li> </ol>
<b>III. Tin học, KHXH, Môi trường</b>				
10	173080	Tin học	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2015, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB ĐHSP. </li></ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng, 2010. <i>Tin học căn bản</i>, Nxb KH&amp;KT.</li> <li>2. Hàn Viết Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, Nxb ĐHQTKD.</li> </ol>

			soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.	
11	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b> [1] Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b> [1] Trần Quốc Vương (2002), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb Giáo dục; [2] Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, Nxb Văn hóa thông tin; [3] Phan Kế Bính (1999), <i>Việt Nam phong tục</i>, Nxb Văn học</p>
12	121105	Môi trường và con người (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc</b> 1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>. Nxb GD</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b> [1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan(2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội. [2] Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13 [3] Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): <i>Môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>

			<p>vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p>	
13	132001	PPNCKH chuyên ngành TA (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Kiến thức cơ bản về khái niệm về nghiên cứu trong hoạt động dạy học, các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trên thế giới, đặc biệt trong ngôn ngữ học ứng dụng như: phương pháp điều tra, phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm và các kỹ thuật thu thập và xử lý số liệu của một nghiên cứu như: phỏng vấn, quan sát, thống kê, khảo sát, đối chiếu, miêu tả v.v.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được khái niệm về nghiên cứu, các loại hình nghiên cứu và các giai đoạn và các bước trong nghiên cứu, biết cách xác định đề tài nghiên cứu, xác định phạm vi đề tài, đặt tên đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, đọc và thu thập tài liệu phục vụ đề tài nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu khoa học</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyen Thi Thuy Minh. (2007). <i>Research Methodology</i>. VNU. Hanoi</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nunan, D. (1992). <i>Research Methods in Language Learning</i>. Cambridge. CUP.</li> <li>2. Nguyễn Thiện Giáp. (2010). <i>Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ</i>. NXB Giáo dục.</li> <li>3. Brown, J.D. (1988). <i>Understanding Research in Second Language Learning: A teacher's Guide</i>. London: CUP.</li> </ol>

			<p>giáo dục trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ, biết sử dụng các công cụ hỗ trợ để tiến hành nghiên cứu, được rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, hiểu được các giai đoạn của từng loại hình nghiên cứu khác nhau, biết phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu cụ thể.</p>	
<b>IV. Giáo dục thể chất</b>				
191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất. Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu. Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>- Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác.</p> <p>- Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa.</p> <p>- Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>[1]. Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p> <p>[2]. Ủy ban TĐTT (2015), <i>Luật Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[3]. Nguyễn Đại Dương (2000), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p> <p>[4]. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p>	

			trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa	
<b>Giáo dục thể chất 2</b> <i>chọn 1 trong 5 học phần</i>				
191031	Bóng chuyền (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSPT, Hà Nội.</li> <li>2. Ủy ban TDTT (2003), <i>Luật bóng chuyền</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Nguyễn Quang (2001), <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền</i> NXB TDTT, Hà Nội.</li> <li>4. Ủy ban TDTT (1998), <i>Bóng chuyền bóng rổ</i>, NXB TDTT Hà Nội.</li> </ol>	
191032	Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>[1]. Đinh Khánh Thu (2014), <i>Giáo trình Thể dục</i></li> </ol>	

		<p>bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu; Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic</p>	<p><i>Aerobic</i>, NXB TĐTT</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[2]. Vũ Thanh Mai (2011), <i>Giáo trình Khiêu vũ thể thao</i>, NXB TĐTT</p> <p>[3]. Nguyễn Xuân Sinh (2009), <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT</p>
191033	Bóng đá (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá; Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu; Biết thực hiện một số kỹ thuật</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1.PGS.TS Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 207</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Ủy ban TĐTT, <i>Luật Bóng đá sân 11 người, năm 2014</i> Nxb TĐTT.</p> <p>3. Ủy ban TĐTT, <i>Luật Bóng đá sân 7 người, năm 2001</i> Nxb TĐTT.</p> <p>4. Ủy ban TĐTT, <i>Luật Bóng đá sân 5 người, năm 2011</i></p>



			Bóng đá cơ bản; Hiểu được một số điểm của luật	Nxb TDTT.
191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tu thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i> [1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, ĐHSP.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i> [2]. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, TDTT. [3]. Ủy ban thể dục thể thao (2006), <i>Luật Bóng rổ</i>, NXB TDTT. [4]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB ĐH Thái Nguyên.</p>	
191035	Vovinam-Việt võ đạo (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chân thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i> [1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự “<i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>” tập 1, NXB TDTT, 2008.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i> [2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). <i>Phòng ngừa chấn</i></p>	

		<p>tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tu thể chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).</p>	<p><i>thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i></p> <p>[3]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), Nhu khí công quyền 2 - Vovinam, NXB TĐTT.</p>
<b>V. Giáo dục quốc phòng</b>			
	Học phần 1	<p>Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã</p> <p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>2. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016. <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i>. Văn phòng Trung ương Đảng.</p> <p>3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019. <i>Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ</i></p>

		<p>hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</li> <li>+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.</li> <li>+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</li> </ul>	<p>quốc, Nxb Giáo dục Việt Nam</p> <p>4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục Việt Nam.</p>
Học	Công tác	- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh	- <i>Tài liệu bắt buộc:</i>

	phần 2	quốc phòng và an ninh (2 tín chỉ)	<p>viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.</p>	<p>1. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2010. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1</i>, Nxb. Giáo dục.</p> <p>2. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2012. <i>Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>3. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017 và 2020. <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh</i>, 2017, 2020.</p> <p>4. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục.</p>
--	--------	-----------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

			<p>+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	
Học phần 3	Quân sự chung (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này.</p> <p>Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. BGD&amp;ĐT, 2012. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2.</i> NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. BGD&amp;ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1</i> (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).</p> <p>3. Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam.</i> NXB Quân đội nhân dân.</p> <p>4. Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam.</i> NXB Quân đội nhân dân.</p>	

		<p>Thuần thực cách sử dụng bản đồ.</p> <p>Thuần thực cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>Thuần thực về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.</p>	
Học phần 4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (4 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.</p> <p>Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào mục tiêu cố định.</p> <p>Có khả năng vận dụng linh hoạt vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra.</p> <p>Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn.</p> <p>Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. BGD&amp;ĐT, 2012, <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2</i>, NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>2. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, <i>Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh</i>, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam</p>

			<p>chiến đấu tiên công.          Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự.          Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.</p>	
<b>B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>				
<b>I. Kiến thức ngành</b>				
14	181080	Tâm lý học (4 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này bao gồm: Bản chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách người thầy giáo...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận diện được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS và THPT nói riêng; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2002), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.</li> <li>2. Lê Văn Hồng (2001), <i>Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Dương Thị Thoan (Chủ biên), Phạm Thị Thu Hòa, Nguyễn Thị Hương, <i>Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Trường đại học Hồng Đức</i>, Nxb ĐH Lao động – xã hội, 2021.</li> <li>4. Hoàng Anh – Nguyễn Kim Thanh (1997), <i>Giao tiếp sư phạm</i>, Nxb Giáo dục.</li> </ol>
15	182005	Giáo dục học (4 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm: Hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học; các khái niệm của giáo dục học;</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (2006) (chủ biên), <i>Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2</i>, NXB ĐHSP Hà Nội</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p>

		<p>vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; người giáo viên; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học... ; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như: Khái niệm và bản chất QTGD, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục... đặc điểm lao động của người GVPT, các nội dung, nhiệm vụ của người GVCN.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần người học có khả năng Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; Vận dụng nguyên tắc dạy học, nguyên tắc giáo dục; biết cách lựa chọn nội dung dạy học, nội dung giáo dục; lựa chọn sử dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, giáo dục vào thực tiễn môn học trong bậc học mình được đào tạo; có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp và giải quyết các tình huống thực tiễn giáo dục.</p>	<p>[1]. Nguyễn Sinh Huy-Nguyễn Văn Lê (1997), <i>Giáo dục học đại cương Tập 1,2</i>, NXBGD</p> <p>[2]. Phạm Viết Vượng (2001), <i>Giáo dục học</i>, NXBĐHQG Hà Nội</p> <p>[3]. Đỗ Thế Hưng (2007), <i>Tình huống dạy học môn GDH</i>, NXB ĐHSP Hà Nội</p>
--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



16	198000	Quản lý HCNN và QLGD (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS &amp; THPT của bộ Giáo dục &amp; Đào tạo.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần người học có khả năng, vận dụng những hiểu biết về quản lý hành chính nhà nước và QLGD vào thực tiễn nghề nghiệp, khả năng vận dụng các quy định luật pháp (luật công chức, viên chức, luật GD; điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp và giải quyết các tình huống thực tiễn có liên quan.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>[1]. Phạm Việt Vương. (2006), <i>Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục &amp; đào tạo</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>[1] Quốc Hội (2008), Luật số 22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008. <i>Luật Cán bộ, công chức</i></p> <p>[2]. Quốc Hội (2008), Luật số 58/2008/QH12 ngày 15/ 11/ 2010, <i>Luật viên chức.</i></p> <p>[3] Quốc Hội (2019), Luật số 52/2019/QH14 của Quốc Hội, <i>luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức.</i></p> <p>[4] Quốc Hội (2014), Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019, <i>Luật Giáo dục.</i></p> <p>[5]. Quốc Hội (2014), <i>Nghị quyết số 88/2014/QH1 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông.</i></p>
<b>II. Kiến thức chuyên ngành</b>				
17	132002	Lý luận dạy tiếng Anh (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những kiến thức khái quát về lịch sử phương pháp giảng dạy ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng; về bản chất và tính đặc thù của từng phương pháp; những ưu điểm, nhược điểm của các phương pháp dạy học ngoại ngữ đã và đang được áp dụng trong các nước trên thế giới; những yếu tố tác động đến</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Freeman, L. (1991), <i>Techniques and principles in Language Learning</i>. Nxb Oxford</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Jeremy Harmer (2007), <i>the practice of English language teaching</i>, Pearson Longman ELT</p> <p>2. Dr. M. F. Parel (2008), <i>English language teaching.</i></p>

			<p>quá trình dạy học ngoại ngữ như: động cơ học tập, năng khiếu ngôn ngữ, kiểu tư duy.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và vận dụng được các đường hướng dạy học ngoại ngữ, các khía cạnh trong dạy học ngoại ngữ và hiện thực dạy học ngoại ngữ tại Việt Nam. Ngoài ra sinh viên có năng lực phân tích và lựa chọn các phương pháp dạy học, các kỹ thuật giảng dạy và phương pháp kiểm tra phù hợp để đáp ứng nhu cầu giảng dạy thực tế.</p>	Sunrise
18	132048	Kiểm tra đánh giá trong DH tiếng Anh (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Gồm những kiến thức cơ bản về các phương pháp, dạng bài kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh giá như kiểm tra định kỳ, kiểm tra phân loại, kiểm tra cuối kỳ; các kiến thức về kỹ thuật và cách thức soạn bài kiểm tra, cách xây dựng tiêu chí đánh giá, cách thiết lập thang điểm nhằm đánh giá chính xác chất lượng quá trình học tập của học sinh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững kiến thức về các kiểu bài kiểm tra, các kỹ thuật đánh giá ngữ pháp, từ vựng, dự án, và các kỹ năng tiếng Anh. Sinh viên đánh giá được một bài kiểm tra (theo chương trình sách giáo khoa hiện hành) là tốt hay không. Đồng thời, sinh viên có thể xây dựng được tiêu chí đánh giá và thang điểm khi thiết kế bài kiểm tra. Người học có thể vận dụng lý thuyết thiết kế được bài</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Hughes, A (2003), <i>Testing for language teachers</i>. Cambridge University Press.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. British Council (2003), <i>Teaching the Skills</i>. Tài liệu dùng cho tập huấn giáo viên TA - Sử dụng nội bộ.</p> <p>2. British Council (2003), <i>English Language Teaching Methodology (Edited Material for Language Teaching)</i>. Tài liệu dùng cho tập huấn giáo viên TA - Sử dụng nội bộ.</p>

			kiểm tra theo một ma trận xây dựng sẵn, sử dụng các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá như Gap fill, T/F statements, Multiple choice, Rewrite,...	
19	131076	Ngữ pháp (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Ngữ pháp nhằm cung cấp cho SV những hiểu biết cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại (traditional and modern grammar). Học phần đưa ra một số bài học về các chủ điểm ngữ pháp cơ bản và thiết yếu, mang đậm tính thực hành ngữ pháp như: thì, thể, thức, các cấu trúc câu trong tiếng Anh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có thể vận dụng kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở dạng thực hành và lý thuyết; có cái nhìn tổng thể hơn về kiến thức ngôn ngữ Anh nói chung và ngữ pháp thực hành trong tiếng Anh, có khả năng vận dụng những nội dung đã học vào giải quyết các bài tập ngữ pháp tiếng Anh, viết câu tiếng Anh đúng. Có khả năng nói và viết đúng thì trong tiếng Anh, các dạng cấu trúc căn bản tiếng Anh.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Mark Foley and Danie Hall (2012), <i>My GrammarLab – Intermediate B1/2</i>. Pearson Education Limited.</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. L.G Alexander (2012), <i>Longman English Grammar</i>, Longman Limited</p> <p>2. Thompson, A., Martinetz, A (2012), <i>A Practical English Grammar</i>, Oxford University Press.</p> <p>3. L.G Alexander (2012), <i>Longman English Grammar Practice</i>, Longman Limited</p>
20	132034	Ngữ pháp nâng cao (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các nội dung: từ loại (động từ, danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, mạo từ, số từ, liên từ, giới từ), câu, mệnh đề...; kiến thức ngữ pháp nâng cao học thuật và kiến thức</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc :</b></p> <p>1. R. Quirk &amp; S. Greenbaum. (1986). <i>A University Grammar of English</i>. Longman: Longman.</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p>

			<p>ngữ pháp dùng trong giao tiếp hằng ngày. Mỗi bài học gồm phần lý thuyết và bài tập thực hành nhằm cung cấp đầy đủ kiến thức nền và rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về ngữ pháp như đơn vị ngữ pháp, chức năng cú pháp, từ loại, sự hình thành và cấu tạo từ, tính lược, rút gọn, .... Sinh viên có thể phân biệt và sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh trang trọng và các cấu trúc ngữ pháp dùng trong giao tiếp hằng ngày.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. L Mark Foley and Danie Hall. (2012) <i>MyGrammarLab – Intermediate C1/2</i>. Pearson Education Limited.</li> <li>2. Close, R.A. (1985). <i>A Reference Grammar for Students of English</i>. Longman Group Ltd.</li> </ol>
21	131009	Kỹ năng Nghe Nói 1 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp (A2) để nghe hiểu và sử dụng trong những tình huống giao tiếp liên quan đến nội dung chủ đề bài học như: giới thiệu bản thân, gia đình, bạn bè, ăn uống, thể thao, du lịch, mua sắm, công việc.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu về bản thân, về gia đình; đưa ra lời đề nghị, thuyết phục, mời mọc, từ chối, nhận lời, có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2/6 về kỹ năng nghe, nói tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers A2</i>. Richmond. [1]</li> <li>2. Jack, C.Richards. (2010). <i>Basic Tactics for Listening 3<sup>rd</sup> Edition</i>. Oxford University Press [2]</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <i>Cambridge Key English Test 5</i>. (2010). Cambridge University Press. [3]</li> <li>2. <i>Cambridge Key English Test 6</i>. (2015). Cambridge University Press. [4]</li> <li>3. <i>Cambridge Key English Test 7</i>. (2015). Cambridge University Press. [5]</li> </ol>

			6 bậc dùng cho Việt Nam.	
22	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các bài đọc ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc như gia đình, thức ăn và sức khỏe, công việc, thể thao, vui chơi giải trí và cách viết câu có liên từ đơn giản, viết sơ yếu lý lịch, viết ghi chú, viết tin nhắn, bưu thiếp, thư thân mật và đoạn văn miêu tả đơn giản.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Về kỹ năng đọc, người học đọc hiểu được 90% nội dung các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc ở trình độ A2. Về kỹ năng viết, người học biết viết các cụm từ, câu có dùng liên từ, các tin nhắn, ghi chú, blog, bưu thiếp, thư thân mật và đoạn văn miêu tả ở trình độ A2. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers A2</i>. Richmond. [1]</li> <li>2. Keil J. Anderson (2001). <i>Active Skills for Reading/INTRO</i>, Heine and Heine. [2]</li> <li>3. Alice Savage &amp; Patricia Mayer. (2007). <i>Effective Academic Writing 1</i>. CUP [3]</li> </ol> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <i>Cambridge Key English Test 5</i>. (2010). Cambridge University Press. [4]</li> <li>2. <i>Cambridge Key English Test 6</i>. (2015). Cambridge University Press. [5]</li> <li>3. <i>Cambridge Key English Test 7</i>. (2015). Cambridge University Press. [6]</li> </ol>
23	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm lượng từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng giao tiếp ở mức độ trung cấp (B1) liên quan đến 12 chủ đề bài học gồm: Sự kiện trong quá khứ; đời sống sinh viên; các vấn đề toàn cầu; các mục tiêu trong cuộc sống; sức khỏe và sở thích; mô tả người và vật; điện ảnh; lễ kỷ niệm; đời sống tuổi vị thành niên; kỳ nghỉ; dịch vụ; giải quyết vấn đề.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers B1</i>. Richmond. [1]</li> <li>2. Jack, C. Richards. (2010). <i>Developing Tactics for Listening 3<sup>rd</sup> Edition</i>. Culture-Information Press [2]</li> </ol> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008). (PET). Cambridge University Press.</li> </ol>

			<p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn, xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp ở mức độ B1; để giao tiếp, đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi, kiểm tra, xác nhận thông tin tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc hằng ngày và các chủ đề không quen thuộc thuộc lĩnh vực chuyên môn hoặc quan tâm của bản thân; để giải thích vấn đề nảy sinh, trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa cơ bản. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). (PET). Cambridge University Press. 3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). (PET). Cambridge University Press.</p>
24	131034	Kỹ năng Đọc Viết 2 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các bài đọc hiểu về các chủ đề: văn hóa, giáo dục, đời sống, khoa học, nghệ thuật...; các kỹ năng đọc lướt, đoán nghĩa từ, xác định ý chính, ý hỗ trợ, xác định nguyên nhân, kết quả, sự thật, kỹ năng viết đoạn văn</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học đọc hiểu được các văn bản về các chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, xác định các kết luận chính trong các văn bản nghị luận, nhận diện mạch lập luận của văn bản đang</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers B1</i>. Richmond Vietnam News Agency Publishing House. 2. Neil J. Anderson (2013). <i>Active Skills for Reading 1</i>, Third Edition. Heine Cengage Learning 3. Alice Savage &amp; Masoud Shafiei. (2008). <i>Effective Academic Writing 1</i>. Cambridge University Press.</p>

			<p>đọc; Người học biết cách viết đoạn văn về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p><b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008). (PET). Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). (PET). Cambridge University Press.</li> <li>3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). (PET). Cambridge University Press.</li> </ol>
25	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các từ vựng, cấu trúc, kỹ thuật nghe nói dùng để thể hiện những thay đổi trong cuộc sống; những quyết định khó khăn; tin tức; kế hoạch; văn hoá; chất lượng kinh doanh; sự phát triển của thành phố, các vấn đề toàn cầu...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, cấu trúc vào các tình huống giao tiếp thực tế như nghe hiểu các bài nói về các chủ đề quen thuộc; hiểu được ý chính, các lập luận khá phức tạp của các bài nói được truyền đạt bằng ngôn ngữ chuẩn; giao tiếp khá độc lập về nhiều chủ đề, biết lập luận, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách khá rõ ràng mạch lạc, sử dụng ngôn từ khá trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4 (mức 1) theo</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers B1+</i>. Richmond. Vietnam News Agency Publishing House.</li> <li>2. Jack, C.Richards. (2011). <i>Expanding Tactics for Listening- third edition</i>. Oxford University Press</li> </ol> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge Preliminary English Test 8 (2016). (PET). Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge First Certificate in English 4 (2010). (FCE). Cambridge University Press.</li> <li>3. Cambridge First Certificate in English 5. (2001). (FCE). Cambridge University Press.</li> </ol>

			khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	
26	131037	Kỹ năng Đọc Viết 3 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Người học được cung cấp một hệ thống từ vựng bao quanh chủ đề của nội dung bài học và các cấu trúc ngữ pháp được dùng trong bài đọc. Người học được trang bị các kỹ năng đọc gồm và thực hành các kỹ năng này trong quá trình đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp. Từ những thông tin trong bài đọc, người học thảo luận theo cặp, nhóm về các vấn đề liên quan đến chủ đề vừa học. Nội dung bài dạy viết cung cấp một số từ vựng, cụm từ, các loại câu mẫu thường được dùng trong các loại bài viết và các bài viết mẫu. Người học thảo luận theo nhóm, theo cặp về các bài viết mẫu, thực hành đặt câu theo các cụm từ cho sẵn trong bài mẫu, thảo luận trước khi thực hành viết các loại bài tập viết khác nhau</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đọc hiểu những bài đọc thực tế đa dạng, phức tạp ở mức độ tiền B2; sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết thư than phiền, thư cảm ơn, xin lỗi, thư yêu cầu, thư xin học bổng, xin gia nhập 1 tổ chức, xin việc; sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết bài</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers B1+</i>. Richmond Vietnam News Agency Publishing House.</li> <li>2. Neil J. Anderson (2013). <i>Active Skills for Reading 2</i>, Third Edition. Heine Cengage Learning</li> <li>3. Alice Savage &amp; Masoud Shafiei. (2008). <i>Effective Academic Writing 2</i>. Cambridge University Press.</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge Preliminary English Test 8 (2016). (PET). Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge First Certificate in English 4 (2010). (FCE). Cambridge University Press.</li> <li>3. Cambridge First Certificate in English 5. (2001). (FCE). Cambridge University Press.</li> </ol>



			<p>luận ngắn ý kiến, tường thuật, nguyên nhân và kết quả. Ngoài ra, người học có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp; năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng đọc-viết</p> <p>Kết thúc học phần người học đạt trình độ tiền B2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	
27	131038	Kỹ năng Nghe Nói 4 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm lượng từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng nghe nói nâng cao (B2) về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hội, khoa học và công nghệ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói phức tạp về các chủ đề đa dạng ở mức độ B2; để giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề một cách tương đối trôi chảy và lưu loát; để giao tiếp với người khác bằng ngôn ngữ đích một cách khá lưu loát, tự nhiên và duy trì được các cuộc hội thoại để tạo dựng mối quan hệ lâu dài mà không làm khó cho cả hai bên; Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp; Người học có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers B2</i>. Richmond. [1]</li> <li>2. Jo Tomlinson &amp; Fiona Aish. (2011). <i>Listening for IELTS</i>. HarperCollins [2]</li> </ol> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge First Certificate in English 6 (2003). Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge IELTS Practice Test 9 (2013). Cambridge University Press.</li> <li>3. Cambridge IELTS Practice Test 10 (2015). Cambridge University Press.</li> </ol>

			<p>nghiệm để nâng cao kỹ năng nghe - nói. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4 (tương đương B2 mức 1) kỹ năng nghe nói tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	
28	131039	<p>Kỹ năng Đọc Viết 4 (3 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các bài đọc có từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng đọc viết nâng cao về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hội, khoa học và công nghệ...; cách viết bài luận dài thể hiện ý kiến hai chiều, viết các thể loại thư, viết nhận xét...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học đọc hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các chủ đề đã học; có kỹ năng viết bài luận dài, phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp, tổng hợp thông tin và lập luận từ nhiều nguồn khác nhau, có thể viết bài mô tả biểu đồ đường, biểu đồ cột, bảng biểu; có thể viết bài luận phân tích tiến trình, nêu nguyên nhân, kết quả, phân loại. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers B2</i>. Richmond Vietnam News Agency Publishing House. [1]</li> <li>2. Neil J.Anderson (2013). <i>Active Skills for Reading 3</i>, Third Edition. Heine Cengage Learning [2]</li> <li>3. Alice Savage &amp; Masoud Shafiei.(2008). <i>Effective Academic Writing 3</i>. Cambridge University Press.[3]</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge First Certificate in English 6.(2003). Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge IELTS Practice Test 9.(2013). Cambridge University Press.</li> <li>3. Cambridge IELTS Practice Test 10.(2015). Cambridge University Press.</li> </ol>
29	131041	<p>Kỹ năng Nghe Nói 5 (3 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm từ vựng, cấu trúc ở mức độ tiền C1 liên quan đến các chủ đề như: các vấn đề xã hội, văn hóa, chính trị, giáo dục, du lịch, thương mại v.v. Những kỹ năng nghe nói</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle.(2016). <i>Achievers C1</i>.Richmond. [1]</li> <li>2. Barry Cusach &amp; Sam McCarter (2007). <i>Improve your</i></li> </ol>

			<p>như thuyết trình, thảo luận, suy luận.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói dài, các tranh luận hoặc các thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ đề phức tạp và trừu tượng ở mức độ tiền C1. Có thể sử dụng vốn từ lớn, sử dụng được lối nói vòng vo để xử lý tình huống khi thiếu từ, diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời mà hầu như không gặp khó khăn. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 thấp theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p><i>IELTS Listening and Speaking Skills.</i> Macmillan Education. (2)</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge Certificate in Advanced English 5 (2003). Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge IELTS Practice Test 11 (2016). Cambridge University Press.</li> <li>3. Cambridge IELTS Practice Test 12 (2017). Cambridge University Press.</li> </ol>
30	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm từ vựng theo chủ đề bài đọc, cấu trúc ngữ pháp trong bài đọc, các kỹ năng, chiến thuật để đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp ở bậc 5 (mức 1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đồng thời, học phần gồm từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc bài viết, văn phong được dùng trong các loại bài viết mô tả biểu đồ hình tròn, sơ đồ luồng, sơ đồ chỉ mối quan hệ, quá trình, hoạt động, bài luận nêu thuận lợi và không thuận lợi, đề xuất giải pháp, nêu nguyên nhân và đề xuất giải pháp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể nhớ từ</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martyn Hobbs &amp; Julia Starr Keddle.(2016). <i>Achievers C1</i>.Richmond.</li> <li>2. Els Van Geyte. (2011). <i>Reading for IELTS</i>. HarperCollins Publisher.a</li> <li>3. Richard Brown and Lewis Richards (2012). <i>Ielts Advantage Writing Skills</i>. Delta Publishing.</li> </ol> <p>- <i>Học liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cambridge Certificate in Advanced English 5 (2003). Cambridge University Press.</li> <li>2. Cambridge IELTS Practice Test 11 (2016). Cambridge University Press.</li> <li>3. Cambridge IELTS Practice Test 12 (2017).</li> </ol>

			<p>vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài đọc hiểu; hiểu, phân tích, đánh giá nội dung trong các loại văn bản tiếng Anh dài, phức tạp ở bậc 5 (mức 1); có thể áp dụng kiến thức về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc bài viết, văn phong để viết bài mô tả biểu đồ hình tròn, sơ đồ luồng, sơ đồ chỉ mối quan hệ, quá trình, hoạt động, bài luận nêu thuận lợi và không thuận lợi, đề xuất giải pháp, nêu nguyên nhân và đề xuất giải pháp, nêu vấn đề và đề xuất giải pháp.</p> <p>Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 (mức 1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	Cambridge University Press.
31	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm từ vựng, các cách diễn đạt và các cấu trúc câu phức hợp mang tính học thuật liên quan đến nhiều lĩnh vực trong cuộc sống xã hội; các kiến thức lý thuyết và chiến lược cho các kỹ năng nghe hiểu các dạng bài phức tạp khác nhau và thực hành kỹ năng nói theo cá nhân, cặp hoặc nhóm thông qua các tình huống giao tiếp, chủ đề thảo luận và các dự án theo từng nội dung bài học.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng để nghe hiểu những bài nói phức tạp về các chủ đề đa dạng ở mức độ C1 (Bậc 5 theo Khung Năng lực</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>[1] Joanna Preshous. (2014). <i>Improving your skills: Listening &amp; speaking for IELTS 6.0-7.5</i>. Macmillan.</p> <p>[2] Karen Kovacs. (2011). <i>Speaking for IELTS</i>. HarperCollins</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>[1] Cambridge IELTS Practice Test 13 (2011). Cambridge University Press.</p> <p>[2] Cambridge IELTS Practice Test 14 (2018). Cambridge University Press</p> <p>[3] Cambridge IELTS Practice Test 15 (2020). Cambridge University Press</p>

			<p>Ngoại ngữ Việt Nam); để giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề một cách trôi chảy và lưu loát; để giao tiếp với người khác bằng ngôn ngữ đích một cách thông thạo và duy trì được các cuộc hội thoại để tạo dựng mối quan hệ lâu dài. Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp. Người học có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng nghe - nói.</p>	
32	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm từ vựng theo chủ đề bài đọc, cấu trúc ngữ pháp trong bài đọc, các kỹ năng, chiến thuật để đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp ở bậc 5 (mức 2) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đồng thời, học phần gồm từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc bài viết, văn phong dùng trong các loại bài viết mô tả bản đồ, các sơ đồ hỗn hợp, bài luận thể hiện ý kiến, thảo luận hai mặt của một vấn đề và bài luận có hai câu hỏi thảo luận về hai khía cạnh khác nhau của một vấn đề.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể nhớ từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài đọc hiểu; hiểu, phân tích, đánh giá nội dung, thái độ, hay ẩn ý trong các loại văn bản tiếng Anh dài, phức tạp ở bậc 5 (mức 2); có thể áp dụng kiến thức về từ vựng,</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>(1) Jane Short (2014). Improve your Skill: Reading for IELTS 6.0-7.5. Macmillan. (HLBB1)</p> <p>(2) Young Kim (2012). The best preparation for IELTS writing. Nhan Tri Viet Publishing House. (HLBB2)</p> <p>(3) Handouts for writing lessons.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1] Cambridge IELTS Practice Test 13 (2011). Cambridge University Press.</p> <p>[2] Cambridge IELTS Practice Test 14 (2018). Cambridge University Press</p> <p>[3] Cambridge IELTS Practice Test 15 (2020). Cambridge University Press</p>

			<p>cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc bài viết, văn phong để viết bài mô tả bản đồ, biểu đồ hỗn hợp, và để phân tích, thể hiện sự sáng tạo trong bài viết luận nêu ý kiến, thảo luận hai mặt của một vấn đề, bài luận có hai câu hỏi thảo luận về hai khía cạnh khác nhau của một vấn đề. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 (mức 2) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	
33	132020	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Gồm những kiến thức cơ bản về vai trò của giáo viên, phương pháp và các kỹ thuật dạy từ vựng ngữ pháp, phát âm; cách phân chia các giai đoạn một tiết học dạy từ vựng – ngữ pháp, phát âm và tích hợp các kỹ năng trong cùng một bài học; cấu trúc và cách biên soạn giáo án theo chương trình giáo dục phổ thông mới, cách tiến hành giờ dạy từ vựng, ngữ pháp, phát âm tiếng Anh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên có thể ứng dụng các kỹ thuật dạy từ vựng – ngữ pháp tiếng Anh vào thiết kế giáo án theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Sinh viên tiến hành các bài dạy từ vựng – ngữ pháp cũng như phát âm tiếng Anh hiệu quả, đồng thời đánh giá được nội dung và hiệu quả của một tiết dạy từ vựng – ngữ pháp và phát âm tiếng Anh.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i> :</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. David Nunan (2003), <i>Practical English Language English</i>. MC Graww-Hill Education.</li> <li>2. SGK tiếng Anh lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 theo chương trình mới</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Martha C. Pennington (2006), <i>New ways in teaching grammar</i>. Oxford</li> <li>2. Susan Halliwell (1992), <i>Teaching English in the Primary classroom</i>. Longman Handbooks.</li> <li>3. Bob Obee (1999), <i>The grammar activity book</i>. Cambridge University Press.</li> </ol>

34	132057	Kỹ thuật dạy tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp và kỹ thuật dạy học các kỹ năng tiếng Anh, cách phân chia các giai đoạn một tiết học kỹ năng tiếng Anh và tích hợp các kỹ năng trong cùng một bài học; cấu trúc giáo án dạy kỹ năng theo chương trình giáo dục phổ thông mới và cách thức tiến hành giờ dạy kỹ năng tiếng Anh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có năng lực phân tích các kỹ thuật và thủ thuật giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh, viết giáo án, tổ chức lớp học, trình bày bài giảng và xử lý các tình huống sư phạm trong thời lượng quy định. Từ đó, sinh viên ứng dụng các kỹ thuật dạy kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh vào thiết kế giáo án và tiến hành dạy các kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết hiệu quả, đồng thời đánh giá được giờ dạy kỹ năng tiếng Anh.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc :</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Jeremy Harmer (2007), <i>The practice of English language teaching</i>. Pearson Longman ELT.</li> <li>2. SGK tiếng Anh lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 theo chương trình mới</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Jon Davison and Jane Dowson (1998), <i>Learning to teach English in secondary school</i>, London and Newyork.</li> <li>2. Scott Thornburry (2006), <i>How to teach Speaking</i>, Longman</li> <li>3. Joanna Baker and Heather Westrup (2000), <i>The English language teacher's handbook</i>. Continuum</li> <li>4. Timothy G.Reagan (2005), <i>The foreign language educator in society</i>, Lawrence Erlbaum Associates publishers.</li> </ol>
35	<i>Chọn một trong 2 học phần</i>			
a	123100	Ngữ âm – âm vị học (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh như hệ thống ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm, ngữ điệu, cao độ, trường độ, các âm vị và biến thể âm vị, thành phần và vị trí của âm tiết trong từ; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm, nội dung về các yếu tố siêu đoạn tính .vv</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân biệt được các</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Peter Roach (2009) <i>English Phonetics and Phonology</i>. NXB Cambridge: CUP</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Jenkins (2000), <i>J Phonology of English as an Internationa Language</i>.NXB Oxford: OUP</li> <li>2. Lecumberri, M. L. G., J.A.Maidment (1999), <i>English Transcription Course</i>. NXB Routledge.</li> </ol>

			âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm; vận dụng những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, tự hoàn thiện khả năng phát âm của mình, phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể về Ngữ âm – Âm vị học.	3. Jonathan Marks (2007), <i>English Pronunciation in Use</i> . NXB Cambridge: CUP
b	132009	Luyện phát âm tiếng Anh (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Miêu tả và luyện phát âm các nguyên âm và phụ âm tiếng Anh, phân biệt các âm dài, âm ngắn, âm tắc, âm xát, âm nổ vv... nguyên âm đôi, nguyên âm ba, âm trượt, các hiện tượng nuốt âm, đồng hóa âm trong tiếng Anh. Cách phiên âm và đọc phụ âm cuối. Giới thiệu và rèn luyện cách nhận biết và phát âm trọng âm từ: danh từ, động từ, tính từ vv... và ngữ điệu câu. Rèn luyện ngữ điệu tự nhiên của một số âm đơn giản như câu hỏi, câu chào, câu trần thuật vv...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có thể nhận biết được và phát âm chính xác các âm tiếng Anh, phiên âm các từ khi nghe âm thanh của từ đó, phân biệt được các hiện tượng như nuốt âm, nối âm vv... trong tiếng Anh.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Handcock, M. <i>English (2012) Pronunciation in Use</i>. NXB Cambridge</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Cameron, S. (2011), <i>Perfecting Your English Pronunciation</i>, NXB McGraw-Hill.</p> <p>2. Celce-Murcia, M. (2010), <i>Teaching Pronunciation</i>, NXB Cambridge</p> <p>3. Yates, J. (2005), <i>Pronounce It Perfectly In English</i>, NXB Barron</p>
<b>III. Kiến thức bổ trợ</b>				
36	132069	Từ vựng –	- <i>Nội dung học phần:</i> Người học được cung cấp	- <b>Tài liệu bắt buộc:</b>



	<p>Ngữ nghĩa học (2 tín chỉ)</p>	<p>những định nghĩa, khái niệm quan trọng trong từ vựng, ngữ nghĩa học với các cấp độ ngôn ngữ như morphemes, forms, words, phrases, expressions, sentences, utterances,...; ở các cấp độ nghiên cứu như cấu trúc của từ và các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh như shortening, conversion, derivation, compounding, affixation, ...; cách thức kết hợp từ, nguồn gốc và lịch sử của từ tiếng Anh; nghĩa của từ với nghĩa trực tiếp, nghĩa chuyển đổi, nghĩa trong cụm từ, nghĩa ngữ pháp – từ vựng, ...; nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Người học đồng thời tìm hiểu về các kiểu biến soạn từ điển trong tiếng Anh và các loại từ điển tiếng Anh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Phân tích cấu trúc của từ, cấu tạo của từ, vận dụng cách cấu tạo từ để lựa chọn, tạo từ mới từ phần từ cho sẵn như phương thức tạo từ mới thông qua việc rút gọn từ, viết tắt, thêm tiền tố - hậu tố, chuyển từ loại, mô phỏng theo âm thanh; Phân tích nghĩa của từ, cấu trúc tiếng Anh để xác định sự chuyển nghĩa thông qua các hình thức khác nhau như phép ẩn dụ, hoán dụ, lối nói phóng đại, nói lái, nói tránh, dùng uyển ngữ; Phân tích nghĩa của câu (cấu trúc sâu), nghĩa của phát ngôn trong mối liên hệ với ngữ cảnh để có thể vận dụng những hiểu biết này trong việc sử dụng ngôn ngữ</p>	<p>1. Hoàng Tất Trường, 2013. <i>Từ vựng học cơ bản tiếng Anh</i>. NXB ĐHNN –ĐHQG: HN</p> <p>2. Nguyễn Hoà, 2004. <i>Understanding English Semantics</i>. NXB ĐHQG Ha Noi: HN</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>1. Võ Đại Quang, 2003. <i>Lectures on Semantics</i>. NXB ĐHQG Ha Noi: HN</p> <p>2. Stuart Redman, 2013. <i>English vocabulary in use</i>. Cambridge University Press: Cambridge (NXB Trẻ. HN)</p>
--	----------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

			trong giao tiếp một cách hiệu quả.	
37	132011	Biên dịch 1 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung về lý thuyết biên dịch, khái niệm biên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, các nguyên tắc biên dịch, phân tích văn bản, văn phong, chất lượng văn bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niệm, yếu tố văn hoá trong văn bản, các phương pháp biên dịch, biên dịch từng từ, biên dịch theo nghĩa đen, biên dịch sát, biên dịch ý, biên dịch nghĩa bóng, biên dịch giao tiếp. Đồng thời, học phần cũng cung cấp các bài dịch thực hành Anh – Việt và Việt – Anh về các chủ đề: dân số, ô nhiễm môi trường, giáo dục.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể dịch được đúng và đủ ý các câu, văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại các văn bản về các chủ đề thông thường của cuộc sống như: dân số, giáo dục, môi trường dựa trên kiến thức về từ vựng và các cấu trúc câu thông thường.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Nguyen Viet Ky. (2002). <i>Translation Practice</i>. Đại Học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Minh Thu, Nguyễn Hòa. 2002. <i>Luyện dịch báo chí Anh – Việt</i>. NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa.</p> <p>2. Hữu Ngọc. 2011. <i>Sổ tay người dịch tiếng Anh</i>. NXB Thế giới.</p>
38	132021	Phiên dịch 1 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các nội dung về phương thức nhận diện các cấu trúc câu, các cách dùng từ, chức năng ngôn ngữ, thể loại văn bản... trong tiếng Anh và tiếng Việt. Đồng thời cũng cung cấp thêm lý thuyết về các loại hình phiên dịch, kỹ thuật trong phiên dịch, phẩm chất đạo đức của người làm phiên dịch theo các chủ đề của đời</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. Nguyễn Quốc Hùng (2007), <i>Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh</i>. Nhà xuất bản văn hóa Sài Gòn</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Bùi Tiên Bảo &amp; Đặng Xuân Thu (1999), <i>Lý thuyết dịch Interpreting and interpretation Coursebook</i>. Đại</p>

		<p>sống xã hội cụ thể như: môi trường, văn hóa, giáo dục, công nghệ, mỹ thuật...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được đúng, đủ ý của người nói trong phạm vi 2-5 câu tiếng Anh và tiếng Việt, và trình bày được nội dung đó một cách đầy đủ, chính xác bằng ngôn ngữ đích. Sinh viên ghi nhớ thông tin ở cấp độ 2-5 câu đơn thông qua các bài tập kỹ năng như Nghe-Luyện trí nhớ, Nghe-tóm tắt nội dung, Nghe-Ghi nhanh.</p>	<p>học Hà Nội</p> <p>2. Gile, D (2004), <i>Basic concepts and models for interpreter and translator training</i>. John Benjamins Publishing Company</p>	
39	Chọn 1 trong 2 học phần			
	132026	<p>Thiết kế giáo án và PT tài liệu dạy học (3 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bài học về các vấn đề cơ bản trong phát triển tư liệu dạy học tiếng Anh: Khái niệm về tư liệu dạy học và phát triển tư liệu dạy học, vai trò và phạm vi của việc phát triển tư liệu dạy học trong giảng dạy tiếng Anh, cách thức và các tiêu chí đánh giá sách giáo khoa, vận dụng sách giáo khoa trong giảng dạy. Những bất lợi và lợi ích trong việc áp dụng sách giáo khoa, chuẩn bị tài liệu cho một khoá học, bản chất của việc phát triển tư liệu dạy học, phát triển tư liệu và các cách điều chỉnh quản lý tư liệu dạy học. Cách thức thiết kế các bài tập cho một khoá học, tiêu chí thiết kế các bài tập, các thành phần của bài tập, và cách lựa chọn các bài tập để sử dụng trong</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Mishan, F. (2005). <i>Designing Authenticity into Language Learning Materials</i>. Bristol: Intellect Ltd</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Serdyukov, P. and Ryan, M. (2008). <i>Writing Effective Lesson Plans: The 5-Star Approach</i>. Boston: Allyn &amp; Bacon.</p> <p>2. Baker, J &amp; Westrup, H. (2000). <i>The English Language Teacher's Handbook</i>. Continuum.</p>

			<p>chương trình dạy học tiếng Anh phổ thông mới.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên áp dụng được các tiêu chí phát triển tư liệu dạy học tiếng Anh để phát triển tư liệu dạy học tiếng Anh đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới. Sau học phần, sinh viên hiểu rõ được vai trò của tư liệu dạy học trong việc đạt được mục tiêu của một khoá học, hiểu rõ cấu trúc và nội dung của một giáo án tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông mới và có năng lực thiết kế giáo án theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Người học hiểu rõ cách thức thiết kế các bài tập cho một khoá học, tiêu chí thiết kế các bài tập, các thành phần của bài tập, và cách lựa chọn các bài tập để sử dụng trong chương trình dạy học tiếng Anh phổ thông mới. Ngoài ra sinh viên có năng lực đọc phân tích, đánh giá, khai thác thông tin phục vụ cho việc học tập.</p>	
b	132013	Dạy tiếng anh cho trẻ em (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học tiểu học như: tư duy ngôn ngữ, động cơ học tập của học sinh tiểu học, phương pháp dạy học tiểu học. Ngoài ra, học phần còn nêu rõ những khó khăn trong việc dạy kỹ năng nghe/nói tiếng Anh ở cấp Tiểu học. Người học được tham gia các hoạt động học tập, giảng tập, quan sát và nhận xét lớp học</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Susan Halliwell (1993), <i>Teaching English in the Primary classroom.</i></p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Andrew Goodwyn &amp; Jane Branson (2005), <i>Teaching English – A handbook for Primary and Secondary school teachers</i></p> <p>2. Butler, Y. G. (2009), <i>Teaching English to young</i></p>

			<p>thực tế, và hoạt động chiêm nghiệm, qua đó nắm bắt được phương pháp và kỹ năng cơ bản về dạy tiếng Anh cho trẻ em.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Khi hoàn thành môn học, sinh viên có khả năng: ghi nhớ được những giai đoạn quan trọng trong sự phát triển của trẻ; cách trẻ học ngôn ngữ và phân biệt việc học ngôn ngữ của trẻ với việc học ngôn ngữ của người lớn trên cơ sở liên hệ với thực tế giảng dạy tiếng Anh cho lứa tuổi tiểu học; nắm bắt được các đặc điểm tính cách và những phong cách học khác nhau của trẻ và biết cách vận dụng những kiến thức này trong giảng dạy nói chung, và dạy tiếng Anh cho trẻ em nói riêng; vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ phù hợp với trẻ em. sử dụng các thủ thuật/ hoạt động giảng dạy cho trẻ em thông dụng như chơi trò chơi, dạy qua bài hát, thơ, truyện .v.v.</p>	<p><i>learners: The influence of global and local factors</i>. In J. Enever, J. Moon, &amp; U. Raman (Eds.), <i>Young learner English language policy and implementation: International perspectives</i> (pp. 23–29). Reading, UK: Garnet Education</p> <p>3. Danis Hayes (2009). <i>Learning and teaching in Primary schools</i></p>
40	131085	Văn hoá Anh – Mỹ (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Khái quát về lịch sử nước Anh và Mỹ; giá trị văn hoá; phong tục, tập quán, các ngày lễ hội chính của nước Anh, nước Mỹ và hệ thống chính trị, giáo dục của các nước Anh và Mỹ. Học phần bao gồm các bài tập ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp liên ngôn và nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa ngôn ngữ.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc</b>:</p> <p>1. James O'driscoll (1995), <i>Britain</i>. Oxford University Press</p> <p>2. Maryanne Kearny Datesman (2005), <i>American Ways</i>. Longman</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b>:</p>

			<p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên trình bày được các vấn đề về lịch sử, văn hóa các nước Anh – Mỹ, hệ thống giáo dục, chính trị, thể lệ bầu cử trong các quốc gia này. Sinh viên ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp bằng tiếng Anh, có thể thực hiện nghiên cứu về văn hóa, xã hội, giáo dục, v.v... Môn học tạo môi trường học tập tích cực, chủ động thông qua các hoạt động nhóm, thuyết trình theo chủ đề hàng tuần.</p>	<p>1. Broukal Milada (1993), <i>Introducing the USA: A cultural reader</i>. Longman.</p>
41	132089	Văn học Anh – Mỹ (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Giới thiệu sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác giả tiêu biểu của văn học Anh, văn học Mỹ thế kỷ 19, 20; Giới thiệu các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn; Giới thiệu cho sinh viên làm quen với phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ và hiểu được giá trị hiện thực của các tác phẩm; Giới thiệu một số tác phẩm/ đoạn trích tiêu biểu.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học vận dụng được những phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ để đánh giá được giá trị hiện thực của các tác phẩm. Phân tích được một số tác phẩm thuộc các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Nguyen Xuan Thom. (1997). <i>A History of English and American Literature</i>. The Gioi Publishers.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>1. Nguyễn Kim Loan. <i>English Literature</i>. NXB Giáo dục. 1998</p>
42	<i>Chọn 1 trong 4 học phần</i>			
a	132065	Ngữ dụng học (2 tín	giữa các hình thái ngôn ngữ và người sử dụng chúng, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, chỉ	- <i>Tài liệu bắt buộc</i> :

		chỉ)	<p>xuất và khoảng cách, hàm ngôn, tiền giả định, nguyên tắc cộng tác và các phương châm hội thoại, v.v...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng được các phạm trù của ngữ dụng học như: tiền giả định, nguyên tắc hợp tác trong hội thoại, vào các phương châm hội thoại của Grice, để phân tích được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, hiểu được nghĩa hàm ngôn, v.v...trong sử dụng ngôn ngữ</p>	<p>1. George Yule (2003) <i>Pragmatics</i>. London: OUP</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Grice, H.P (2013), <i>Studies in the way of words</i>, Harvard Uni. Press, USA.</p> <p>2. Jacob L.Mey (2001), <i>Pragmatics: An Introduction</i>. Blackwell</p>
b	132024	Ngôn ngữ học tri nhận (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc, giới thiệu gồm các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến Ngôn ngữ học tri nhận. Mỗi bài học sẽ gồm các phần lý thuyết và vận dụng. Các nội dung môn học gồm: Khái quát về Ngôn ngữ học tri nhận, các khái niệm, đặc trưng, đặc điểm ngôn ngữ của các chức năng ngôn ngữ,</p> <p>Học phần sẽ giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng của người học thông qua các hoạt động như: yêu cầu người học thảo luận trong nhóm để chuẩn bị bài trình bày, làm bài tập lớn; trình bày trước lớp một vấn đề liên quan đến môn học. Người học cũng được phát huy khả năng tìm kiếm và tiếp cận thông tin về môn học có sẵn ở các nguồn khác ngoài giảng viên, có tinh thần độc lập trong học tập.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Lee, D (2001), <i>Cognitive Linguistics – An Introduction</i>. OUP</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Dirk Geeraerts (2006), <i>Cognitive Linguistics: Basic Readings</i> Mouton de Gruyter Berlin · New York</p> <p>2. Dirk , G; Hubert, C(2007), <i>The Oxford Handbook of Cognitive Linguistics</i>. Oxford University Press</p> <p>3. Jeannette Littlemore (2009), <i>Applying Cognitive Linguistics to Second Language Learning and Teaching</i> University of Birmingham, UK</p>

			<p>SV tham khảo thêm các dạng thức bài tập có thể ứng dụng chuẩn bị bài trình bày, tham luận, thảo luận, vv.... Ngoài ra, thông qua quá trình chuẩn bị và trình bày, người học phát triển và nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc và viết bằng tiếng Anh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học vận dụng được những kiến thức nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ. Có tư duy phản biện để đánh giá những vấn đề môn học đặt ra.</p>	
c	132063	Phân tích diễn ngôn (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bài học về các vấn đề cơ bản trong phân tích diễn ngôn tiếng Anh như: khái niệm về diễn ngôn và phân tích diễn ngôn (sơ lược), ngôn cảnh và vai trò của ngôn cảnh trong phân tích diễn ngôn, đặc biệt là diễn ngôn nói; liên kết và mạch lạc và mối liên hệ của chúng; tiền giả định, hàm ý hội thoại, nguyên tắc hợp tác hội thoại của Grice; các thành tố của hành động ngôn từ trong lời nói hàng ngày; chủ đề và khung chủ đề của diễn ngôn, cấu trúc thông tin đã biết và thông tin mới, cấu trúc đề/thuyết (sơ lược); các cách sơ đồ hoá một diễn ngôn; vai trò của lý thuyết nền trong việc diễn giải một diễn ngôn; các đường hướng phân tích diễn ngôn trong nghiên cứu</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Nguyễn Hoà (2000), <i>Introduction to Discourse Analysis</i>. Hà Nội: NXB Đại học quốc gia Hà Nội</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Hoang Van Van (2018), <i>Introducing discourse analysis</i>, A text book for senior students of English/ H.: GD</p> <p>2. Nunan, D. (1992), <i>Introducing Discourse Analysis</i>. London: Penguin.</p> <p>3. Jaworski, A &amp; Coupland, N. (1999), <i>The Discourse Reader</i>. London and New York: Routledge</p>



			<p>tiếng Anh với vai trò là một ngoại ngữ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản về diễn ngôn, các đường hướng nghiên cứu diễn ngôn để nghiên cứu các vấn đề về việc sử dụng ngôn ngữ nói và viết trong tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.</p>	
d	132027	Phong cách học (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các vấn đề về lịch sử môn phong cách học, hệ thống biện pháp tu từ tiếng Anh, phong cách chức năng tiếng Anh v.v... Phong cách học chiếm vị trí chủ chốt trong việc nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức về ngôn ngữ mà sinh viên viên đã tích lũy được từ môn kỹ năng tiếng Anh như Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững được kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Anh đồng thời rèn luyện những kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi khả năng hiểu biết về phong cách sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Biber, Douglas, Susan Conrad and Randi Reppen. <i>Corpus Linguistics: Investigating Language Structure and Use.</i> (Cambridge Approaches to Linguistics). Cambridge: Cambridge UP, 2004. Bickerton, D. See English structuralism.</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. Birch, David. <i>Language, Literature, and Critical Practice</i> (2014): <i>Ways of Analysing Text.</i> London: Routledge</p> <p>2. Nigel Fabb, Nigel, Derek Attridge, and Colin MacCabe, eds (2010). <i>The Linguistics of Writing: Arguments between Language and Literature.</i> Manchester: Manchester UP</p> <p>3. Graf, Eva, and Willie van Peer. "Between the Lines: Spatial Language and its Developmental Representation in Stephen King's IT." In <i>Cognitive Stylistics.</i> Ed. Elena Semino and Jonathan Culpeper. Amsterdam: Benjamins, 2002. 123-52.</p>

43	<i>Chọn 1 trong 4 học phần</i>		
a	132052	Giao thoa văn hoá (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc về giao tiếp giao văn hoá của người ở các nước nói tiếng Anh gồm: các thuật ngữ và nguyên tắc khi học môn học; chào hỏi, tự giới thiệu, giao tiếp bằng mắt, bắt tay, trò chuyện sau làm quen, đề tài nói chuyện sau làm quen, khoảng cách khi nói chuyện với người lạ, cấu trúc hội thoại và phong cách hội thoại của các nước nói tiếng Anh so sánh với cấu trúc hội thoại và phong cách hội thoại của người Việt Nam, giao tiếp không dùng lời nói bao gồm các cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp, xung đột văn hoá, sốc văn hoá và sự điều chỉnh để thích nghi.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong người học sử dụng được các quy tắc giao tiếp, cấu trúc giao tiếp và phong cách giao tiếp bằng tiếng Anh của những người bản ngữ. Đồng thời, người học phân biệt được đặc điểm khác biệt trong văn hóa giao tiếp giữa người Việt với người ở các nước nói tiếng Anh để tránh những lỗi khi giao tiếp với người các nước nói tiếng Anh. Người học có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Hiểu biết về xung đột văn hoá, sốc văn hoá và biết cách nhận biết và điều chỉnh để thích nghi khi</p> <p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyen Quang. (2001). <i>Inter – cultural communication</i>. NXB ĐHQG Hà Nội.</li> </ol> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Athen, G. (1988), <i>American ways</i>. International Press Inc.</li> <li>2. Trần Văn Thêm (2000), <i>Cơ sở Văn hoá Việt Nam</i>. NXB Văn Hoá.</li> <li>3. Ellits, C. (1996), <i>Culture shock! Vietnam</i>. Time Books International.</li> </ol>

			bị sốc văn hóa khi giao tiếp với người bản ngữ.	
b	132053	Giao tiếp liên văn hoá (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bình diện nội ngôn, cận ngôn, ngoại ngôn thể hiện trong giao tiếp văn hoá và nội văn hoá. Môn học chú ý đến Dung học giao văn hoá với các với các bình diện phạm trù như lịch sự, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp, v.v. dựa trên khung lý thuyết và các nghiên cứu của Hofstede, Brown &amp; Levinson, Kaplan, Clyne, Saville-Troike, Levine &amp; Adelman, Ting-Toomey và Nguyễn Quang.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học vận dụng được các nội dung cơ bản của học phần vào việc sử dụng và nghiên cứu ngôn ngữ, vận dụng được các bình diện như lịch sự, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp vv... vào giao tiếp của bản thân.</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Holliday A, Martin H and John K . (2004) <i>Intercultural communication- an Advanced resource book. Routledge Applied Linguistic Series.</i></p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo</b></p> <p>1. James O’Driscoll (2009), <i>Britain for Learners of English. Understanding the country and its culture. Oxford University Press.</i></p> <p>2. Maryanne K, JoAnn C &amp; Edward N (2005), <i>American Ways. An Introduction to American Culture</i></p> <p>3. Hofstede, G. (2004), <i>Cultures and organizations: Software of the mind.</i> London: Mc Graw – Hill Book Company.</p>
c	131060	Tiếng Anh du lịch (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các chủ đề bài học có liên quan tới lĩnh vực du lịch và khách sạn; bao quát toàn bộ các khái niệm về chuyên ngành du lịch, khách sạn, lễ hành. Các từ vựng, các chủ đề phù hợp để phát triển 4 kỹ năng giao tiếp trong ngành quản lý du lịch, khách sạn và lễ hành. Các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ...trong</p>	<p>- <b>Tài liệu bắt buộc:</b></p> <p>1. <i>Professional English for Tourism Training - Textbook KS1 + KS2.</i> Hanoi Open University -Faculty of Tourism. 2007</p> <p>- <b>Tài liệu tham khảo:</b></p> <p>1. Trish Stott &amp; Angela Buckingham (2009), <i>At your Service.</i> Oxford University Press</p> <p>2. Michael Duckworth (2009), <i>High Season,</i> Oxford</p>

			<p>tiếng Anh. Bài học miêu tả các hành vi văn hoá giao tiếp không bằng lời nói (non-verbal cues), những kiến thức về mẫu văn hoá (culture patterns).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên có những hiểu biết căn bản về ngành quản trị du lịch khách sạn và hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh. Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành để đọc tài liệu và giao tiếp trong lĩnh vực quản lí du lịch, khách sạn và lữ hành. Giao tiếp được bằng tiếng Anh với các chủ điểm thực trong cuộc sống. Nghe hiểu và diễn đạt trôi chảy những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, nét văn hóa bằng tiếng Anh ở mức độ tự nhiên và linh hoạt. Có khả năng viết diễn đạt lại, kể lại sự kiện, miêu tả người, địa điểm, các vật thể, miêu tả lại những sự kiện phức tạp, trần thuật lại được ý của người khác</p>	<p>University Press</p> <p>3. <i>English for International Tourism – Textbook and Workbook</i>. Longman Press. England. 2007.</p>
d	131065	Tiếng Anh kinh tế (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần cung cấp cho người học có kiến thức về các khái niệm cơ bản trong kinh tế như: các nguồn lực kinh tế, chu trình kinh tế, hàng hóa và dịch vụ, sự khan hiếm, phí cơ hội, cung-cầu, việc tổ chức nền kinh tế thị trường, vai trò của chính phủ và vai trò của thị trường trong nền kinh tế. Học phần cung cấp vốn từ vựng phong phú liên quan đến kinh tế và thương mại, hiểu được ý nghĩa của các thuật ngữ thương mại. Ngoài ra</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i>:</p> <p>1. Thom, Nguyễn Xuân (2008), <i>English for economics</i>. ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>1. Judy West, (2001), <i>Finance-banking</i>. Oxford University Press</p> <p>2. Bill Mascull (2003), <i>Business vocabulary in use</i>. Cambridge University Press</p> <p>3. C.J.Moore et al (2004), <i>Enterprise One</i>. Nhà xuất</p>

			<p>người học còn được cập nhật tình hình kinh tế hiện tại của đất nước thông qua các bản tin kinh tế trong đó người học sẽ trình bày và giải quyết những vấn đề kinh tế nổi cộm và tuân theo xu hướng nhất định từ đó phân tích tình hình tổng quan, nguyên nhân, tác động và giải pháp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực kinh tế trong giao tiếp cơ bản và xử lý các văn bản tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh tế như thư tín, các hợp đồng kinh tế đơn giản.</p>	bản Hải Phòng
<b>C. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp</b>				
44	132005	Kiến tập sư phạm (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Kiến thức thực tiễn về cách thức tổ chức các hoạt động dạy học, các hoạt động Đoàn, Đội cho học sinh ở trường phổ thông. Bước đầu làm quen với các hoạt động dự giờ, thao giảng, đánh giá giờ dạy, xử lý các tình huống sư phạm và làm quen với môi trường làm việc ở trường phổ thông.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Triển khai được các hoạt động Đoàn, Đội, biết vận dụng những kiến thức về lý luận dạy học tiếng Anh để đánh giá giờ giảng, biết xử lý một số tình huống sư phạm trong dạy học tại trường phổ thông.</p>	
45	132010	Thực tập tốt nghiệp (5)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Kiến thức thực tiễn về phương pháp giảng dạy, soạn bài, thực hành giảng</p>	

		tín chỉ)	<p>dạy dưới sự hướng dẫn của giáo viên phổ thông và tổ chức các hoạt động Đoàn, Hội, các hoạt động nội, ngoại khoá.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Triển khai được các hoạt động: chủ nhiệm lớp, Đoàn – Đội, tổ chức các hoạt động tập thể trong lớp, ngoại khoá. Có kỹ năng soạn bài, dự giờ, nhận xét, đánh giá giờ giảng và thực hành dạy học trên lớp; xử lý một số tình huống sư phạm thường gặp trong dạy học.</p>	
46	132068	Khoá luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong ngôn ngữ học và phương pháp giảng dạy</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng kiến thức được học về các kỹ năng tiếng Anh, kỹ thuật và phương pháp giảng dạy tiếng Anh để tự phân tích đánh giá các vấn đề về thực trạng dạy và học tiếng Anh, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp. Sinh viên vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học như ngữ dụng học, tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai để phân tích đánh giá các vấn đề trong thực tiễn. Kết thúc nghiên cứu sinh viên viết báo cáo khoá luận tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn đánh giá.</p>	
47	<i>Học phần thay thế khoá luận (Chọn 2 trong 5 học phần)</i>			
a	233056	Kỹ năng thuyết trình (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Kỹ năng thuyết trình gồm những kiến thức cơ bản về thuyết trình học thuật trong tiếng Anh: các dạng bài thuyết trình, phương pháp thuyết trình, thủ thuật và kỹ thuật trong thuyết trình, các bước chuẩn bị một bài thuyết</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Mark Powell (2003) <i>Presenting in English</i>. Cambridge University Press</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Susan M.Reinhart (2002). <i>Giving Academic</i></p>

		<p>trình. Ngoài ra học phần còn gồm những nội dung cơ bản như những vấn đề thường gặp trong khi thuyết trình, xây dựng kế hoạch thuyết trình, chuẩn bị bài thuyết trình gồm cách chuẩn bị các bài phát biểu thuộc các thể loại khác nhau, cách chuẩn bị và sử dụng phần mềm PowerPoint, trình bày bài thuyết trình, các kỹ năng của thuyết trình viên khi nói trước đông người, cách sử dụng ngôn ngữ cử chỉ của cơ thể trong khi thuyết trình.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản môn học vào giải quyết các vấn đề trong quá trình chuẩn bị và trình bày bài thuyết trình bằng các loại ngôn ngữ lời nói và phi lời nói trong thuyết trình để nâng cao năng lực ngôn ngữ một cách hiệu quả, thực hiện được những bài thuyết trình ngắn hoặc dài có liên quan đến các chuyên ngành học khác nhau một cách thuyết phục và chuyên nghiệp.</p>	<p><i>Presentations.</i> The university of Michigan Press.</p> <p>2. Johanna Rendle-Short (2004), <i>The academic presentation: situated talk in action.</i> Oxford: Oxford University Press</p> <p>3. Lani Arredondo (2007), <i>Kỹ năng giao tiếp tối ưu,</i> Nxb Tổng hợp</p>
b	132075	<p>Ngôn ngữ học đối chiếu (3 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các nội dung về: Các khái niệm liên quan đến ngôn ngữ học đối chiếu: khái niệm về so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ, các phương pháp và tiêu chí so sánh đối chiếu ngôn ngữ, các thao tác và thành tố sử dụng ngôn ngữ trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.</p> <p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. James, C. (1980), <i>Contrastive analysis.</i> London: Great Britain/ Spoftiswoode</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Bùi Mạnh Hùng (2008), <i>Ngôn ngữ học đối chiếu.</i> NXB Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Nguyễn Văn Chiến (1992), <i>Ngôn ngữ học đối chiếu</i></p>

			<p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên so sánh đối chiếu một số phạm trù trong ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt như ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ, ngôn ngữ và hành vi giao tiếp và thực hiện nghiên cứu trên cơ sở nhận biết được những tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt.</p>	<p>và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á, ĐHSPPN. 3. Chesterman A. (2012), <i>Contrastive functional analysis</i>. Amsterdam - Philadelphia: John Benjamins.</p>
c	132015	Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc về ứng dụng CNTT vào dạy và học ngoại ngữ. Học phần sẽ cung cấp cho SV các khái niệm về công nghệ giáo dục, công nghệ thông tin, dạy học có sự hỗ trợ của công nghệ, đào tạo điện tử, và đào tạo trực tuyến.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có thể làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm đối với nhóm. Sinh viên có khả năng luận giải và trình bày các vấn đề liên quan đến các phần mềm CNTT ứng dụng trong dạy học ngoại ngữ trước lớp. Sinh viên có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể thông qua các hoạt động nhóm.</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Oánh, B. Ngọc. (2009), Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy – học ngoại ngữ. Hà nội: ĐHQGHN. - <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Ingvarson, D (ed) (1997), A Teacher's Guide to the Internet: the Australian Experience, Heinemann, Melbourne. 2. Microsoft Office: User's Guide. 1993-1994. Cambridge: Microsoft Corporation. 3. Poedjosoedarmo, G.R. 2002. 'Using Digital Resources to Create Recordings for the Language Classroom.' Guidelines: A Magazine for Language Teachers. Vol. 24, No. 1, pp. 40 - 42. Singapore: SEAMEO Regional Language Centre.</p>
d	132028	Ngôn ngữ học xã hội (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn chức năng của Ngôn ngữ học Xã hội học (Socio-linguistics). Ngoài ra, nói đến Ngôn ngữ học Xã hội học là nói đến sự thay đổi của ngôn ngữ trong từng xã hội và những khác biệt nào trong xã</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Janet Holmes (2008). <i>An introduction to Sociolinguistics</i>, Third edition, Pearson Longman. - <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội (2006), <i>Một cách tiếp</i></p>



			<p>hội tạo nên các ngôn ngữ không giống nhau. Quan trọng hơn nữa là ngôn ngữ được sử dụng như thế nào trong xã hội.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên sẽ được làm quen với những khái niệm nhau: Speech Communities, Speech Acts and Speech Events. Bên cạnh đó, sinh viên nắm được nét văn hóa trong giao tiếp của một số ngôn ngữ khác nhau trong xã hội; trước tiên phải kể đến tiếng Anh chuẩn, sau đó là tiếng lóng, biệt ngữ, vvv.</p>	<p><i>cận liên ngành</i> (Tuyển tập dịch), NXB Thế giới</p> <p>2. Lương Văn Hy (2002), <i>Ngôn từ, giới và nhóm xã hội từ thực tế tiếng Việt</i>. NXB KHXH</p>
e	233055	<p>Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (3 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần gồm các nội dung về các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong lĩnh vực SLA, khái quát quy trình tiếp thụ ngôn ngữ: sự giống và khác nhau trong quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho người học quá trình tiếp thụ ngôn ngữ nhìn từ góc độ ngôn ngữ học, tâm lý học và xã hội học, và lượng kiến thức ngôn ngữ thứ hai cần đạt được để thực hiện các chức năng giao tiếp xã hội và trong học thuật.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để vận dụng linh hoạt trong quá trình trình làm luận văn hoặc làm nghiên cứu về lĩnh vực tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2; Có khả năng mô tả lô gíc về tiến trình tiếp thụ ngôn</p>	<p>- <i>Tài liệu bắt buộc</i>:</p> <p>1. Ellis, R. (1997). <i>Second Language Acquisition</i>. Oxford University Press</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>1. Lightbown, Patsy M. &amp; Spada, Nina (1999), <i>How Languages are Learned</i> (Second Edition). Oxford: Oxford University Press.</p> <p>2. Kees de Bot, Wander Lowie and Marjolijn Verspoor (2005), <i>Second Language Acquisition: An advanced resource book</i>. London.: Routledge</p> <p>3. Murial Saville-Troike (2006), <i>Introducing Second Language Acquisition</i>. Cambridge University Press.</p>

			<p>ngữ thứ 2; Có năng lực làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2; Có năng lực giải thích, thuyết trình lưu loát, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2.</p>	
--	--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

### 3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triết học Mác-Lênin (3TC)</li> <li>- Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)</li> <li>- Môi trường và con người (2TC)</li> <li>- Ngữ pháp (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 1 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 1 (3TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế chính trị MLN (2TC)</li> <li>- Tin học (2TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 2 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 2 (3TC)</li> <li>- Tâm lý học (4TC)</li> <li>Chọn 1 trong 2 học phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ âm – Âm vị (3TC)</li> <li>- Luyện phát âm tiếng Anh (3TC)</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)</li> <li>- Pháp luật đại cương (2TC)</li> <li>- Giáo dục học (4TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 3 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 3 (3TC)</li> <li>- Ngữ pháp nâng cao (3 TC)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử ĐCSVN (2TC)</li> <li>- Tư tưởng HCM (2TC)</li> <li>- PPNCKH chuyên ngành TA (2TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 4 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 4 (3TC)</li> <li>* Chọn 1 trong 2 học phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngoại ngữ II-1: Tiếng Pháp (4TC)</li> <li>- Ngoại ngữ II-1: Tiếng Trung Quốc (4TC)</li> </ul> </li> </ul>
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý luận dạy tiếng Anh (2TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 5 (3TC)</li> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 5 (3TC)</li> <li>- Biên dịch 1 (2TC)</li> <li>- Văn hoá Anh – Mỹ (2TC)</li> <li>* Chọn 1 trong 2 học phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngoại ngữ II-2: Tiếng Pháp 2</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng Đọc Viết 6 (3TC)</li> <li>- Từ vựng – Ngữ nghĩa học (2TC)</li> <li>- Phiên dịch 1 (2TC)</li> <li>- Kiến tập sư phạm (2TC)</li> <li>* Chọn 1 trong 2 học phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngoại ngữ II-3: Tiếng Pháp</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh 2 (2TC)</li> <li>- Kỹ năng Nghe Nói 6 (3TC)</li> <li>- Kỹ thuật dạy tiếng Anh 2 (3 TC)</li> <li>* Chọn 1 trong 2 học phần <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế giáo án và PT tài liệu</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý HCNN và QLGD (2TC)</li> <li>- Thực tập tốt nghiệp (5TC)</li> <li>- Khoá luận tốt nghiệp (6TC)</li> <li>* Học phần thay thế khoá luận (chọn 2 trong 5 học phần): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng thuyết trình (3TC)</li> <li>- Ngôn ngữ học đối chiếu (3TC)</li> </ul> </li> </ul>

<p>(3TC) - Ngoại ngữ II-2: Tiếng Trung Quốc 2 (3TC)</p>	<p>3 (3TC) - Ngoại ngữ II-3: Tiếng Trung Quốc 3 (3TC) - Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1 (3TC)</p>	<p>dạy học (3TC) - Dạy tiếng Anh cho trẻ em (3TC) - Văn học Anh – Mỹ (2TC) *Chọn 1 trong 4 học phần: - Ngữ dụng học (2TC) - Ngôn ngữ học tri nhận (2TC) - Phân tích diễn ngôn (2TC) - Phong cách học (2TC) *Chọn 1 trong 4 học phần: - Giao thoa văn hoá (2TC) - Giao tiếp liên văn hoá (2TC) - Tiếng Anh du lịch (2TC) - Tiếng Anh kinh tế (2TC)</p>	<p>- Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (3TC) - Ngôn ngữ học xã hội (3TC) - Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (3TC)</p>
-------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT																				
	Kiến thức										Kỹ năng							Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PL09	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18	PLO19	PLO20	PLO21
Triết học Mác-Lênin	2																				
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3																				
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3																				
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	3																				
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3																				
Pháp luật đại cương	3																				
Tiếng Pháp 1											1										
Tiếng											2										

Pháp 2																				
Tiếng Pháp 3										3										
Tiếng Trung Quốc 1										1										
Tiếng Trung Quốc 2										2										
Tiếng Trung Quốc 3										3										
Tin học			3																	
Cơ sở văn hóa Việt Nam		3						1												
Môi trường và con người		3																		
PPNCKH chuyên ngành tiếng Anh				3											3				1	
Tâm lý học					3	1						1			1		1	1		
Giáo dục học					3	2						2			2		1	2		1
Quản lý HCNN					3	3						2			3		1	2		

và QLGD																						
Lý luận dạy tiếng Anh							3						1	1		1		2				
Kiểm tra đánh giá trong DH tiếng Anh							3						2		3	2		2				3
Ngữ pháp								1														
Ngữ pháp nâng cao								2														
Kỹ năng Nghe Nói 1													1									
Kỹ năng Đọc Viết 1													1									
Kỹ năng Nghe Nói 2													1									
Kỹ năng Đọc Viết 2													1									
Kỹ năng Nghe Nói 3													2									

Kỹ năng Đọc Viết 3												2									
Kỹ năng Nghe Nói 4												2					1				
Kỹ năng Đọc Viết 4												2					1				
Kỹ năng Nghe Nói 5												3					2				
Kỹ năng Đọc Viết 5												3					2				
Kỹ năng Nghe Nói 6												3					3				
Kỹ năng Đọc Viết 6												3					3				
Kỹ thuật dạy tiếng Anh 1							2						2	2	1	1	3	2	2		
Kỹ thuật dạy tiếng Anh 2							3						3	3	2	2	3	3	2		
Ngữ âm – Âm vị học								2													
Luyện								2													

phát âm tiếng Anh																					
Từ vựng – Ngữ nghĩa học							3														
Biên dịch 1									2												
Phiên dịch 1									3												
Thiết kế giáo án và PT tài liệu dạy học						3						3	3					3			
Dạy tiếng Anh cho trẻ em							2											2			
Văn hoá Anh – Mỹ									2												
Văn học Anh – Mỹ									2												
Ngữ dụng học							3														
Ngôn ngữ học tri nhận							2														
Phân tích							2														



diễn ngôn																					
Phong cách học							2														
Giao thoa văn hoá								3							2						
Giao tiếp liên văn hoá								3							2						
Tiếng Anh du lịch																	2				
Tiếng Anh kinh tế																	2				
Kiến tập su phạm															2	2	2	2	2	2	
Thực tập tốt nghịệp															3	3	3	3	3	3	
Khoá luyện tốt nghịệp				3											3						
Kỹ năng thuyết trình															3						
Ngôn ngữ học đối chiếu							3														
Công nghệ			2																		

trọng dạy học ngoại ngữ																			
Ngôn ngữ học xã hội							2												
Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai							2												

Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3-Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 8 năm 2021

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền**

**TRƯỞNG KHOA**

**TS. Nguyễn Thị Quyết**